

HỒ CHÍ MINH

NGƯỜI KHƠI LẠI MẠCH NGUỒN SỨC MẠNH NỘI SINH CỦA QUỐC GIA DÂN TỘC VIỆT NAM

TS PHẠM MINH THẾ

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

TS BÙI THỊ THÚY

Học viện Ngân hàng

Ngày nhận:

6-1-2022

Ngày thẩm định, đánh giá:

15-1-2022

Ngày duyệt đăng:

10-2-2022

Tóm tắt: Yêu nước và cố kết cộng đồng là truyền thống, vốn quý và là sức mạnh nội sinh của nhân dân Việt Nam. Thực tiễn lịch sử đã cho thấy, khi sức mạnh nội sinh được phát huy là khi ấy Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn, và khi sức mạnh nội sinh ấy suy yếu thì quốc gia dân tộc rơi vào vòng nguy nan. Với quan điểm “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh chính là người đã làm cho sức mạnh nội sinh của quốc gia dân tộc được khơi lại mạch nguồn, hội tụ và tỏa sáng, dẫn dắt nhân dân Việt Nam đứng lên đấu tranh, giành những thắng lợi vẻ vang, đem lại độc lập, thống nhất đất nước, hạnh phúc cho nhân dân.

Từ khóa:

Hồ Chí Minh;

sức mạnh nội sinh;

sức mạnh dân tộc

1 Là một quốc gia có vị trí địa - chính trị, văn hóa, kinh tế và quân sự vô cùng quan trọng của khu vực và quốc tế nên trong quá trình dựng nước và giữ nước, Việt Nam luôn đứng trước các nguy cơ bị xâm lấn từ bên ngoài. Song, nhờ có tinh thần yêu nước, đoàn kết nên dân tộc Việt Nam đã giành được những thắng lợi to lớn, vẻ vang trong chống giặc ngoại xâm cũng như phát triển đất nước. Chính nhờ truyền thống, sức mạnh nội sinh ấy mà nhân dân Việt Nam đã giành được độc lập sau hơn 1.000 năm Bắc

thuộc, giữ được nền độc lập của quốc gia dân tộc ở các thời kỳ Ngô, Đinh, tiền Lê, Lý, Trần,... Từ thực tiễn của lịch sử, các bậc hiền tài của đất nước đều đã nhận ra rằng, phải duy trì, vun bồi được khối đại đoàn kết toàn dân tộc - sức mạnh nội sinh của quốc gia thì mới có thể làm cho đất nước hưng thịnh, vững bền. Nhưng tiếc rằng, bài học xương máu ấy đã không được những vị vua nhà Nguyễn coi trọng nên đất nước đã rơi vào tay thực dân Pháp. Những nỗ lực kháng Pháp, giải phóng dân tộc của nhà Nguyễn, của các văn

thân, sĩ phu yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đều đã không đưa đến thắng lợi. Chỉ đến khi Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, với nhãn quan sắc bén, đã nhận ra nguyên nhân của những thất bại ấy và tìm cách khơi nguồn trở lại sức mạnh nội sinh của quốc gia dân tộc đấu tranh giành độc lập và chôn vùi chủ nghĩa thực dân, làm nên những chiến thắng vẻ vang, chấn động địa cầu.

Năm 1884, sau khi đê bẹp sự phản kháng của quân đội nhà Nguyễn ở Bắc Kỳ, đồng thời Quy ước Thiên Tân với nhà Thanh đã được ký kết, Chính phủ Pháp đã cử J.Patenôtre đến thương nghị với nhà Nguyễn để ký kết một hiệp ước mới. Trước sức ép của Pháp, ngày 6-6-1884, Hiệp ước Giáp Thân (còn gọi là Hiệp ước Patenôtre) với 19 điều khoản đã được ký kết, và “Theo Hiệp ước này, nước Việt Nam thừa nhận sự bảo hộ của nước Pháp”². Việc ký kết Hiệp ước Giáp Thân đã làm dấy lên một phong trào đấu tranh phản kháng mạnh mẽ của nhân dân Việt Nam nhằm phản đối thái độ đốn hèn của nhà Nguyễn, chống lại hành vi xâm lược của thực dân Pháp. Phong trào Cần Vương đã được vua Hàm Nghi - một vị vua có tinh thần yêu nước của nhà Nguyễn - cùng với Tôn Thất Thuyết phát động để kháng Pháp. Hưởng ứng phong trào này, hàng loạt các cuộc khởi nghĩa lớn đã bùng nổ ở khắp nơi nhưng đều bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu. Cùng với đó, một số cuộc khởi nghĩa khác như cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo cũng dần đi vào bế tắc và thất bại.

Sau thất bại của các cuộc khởi nghĩa đó, các sĩ phu Nho học cấp tiến đã phát động một phong trào đấu tranh mới để cứu nước dựa trên nền tảng thức hệ dân chủ tư sản. Với phương châm “Pháp - Việt đề huề”, “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng,

Mai Lão Bạng, Đặng Tử Kính, Hoàng Tăng Bí,... đã phát động phong trào Đông Kinh nghĩa thực với mong muốn học theo con đường duy tân của vua Minh Trị ở Nhật Bản để làm cho đất nước giàu mạnh, tân tiến và thoát khỏi vòng nô lệ. Cùng chí hướng ấy, Phan Bội Châu cũng đã phát động phong trào Đông Du - xuất dương cầu học, đưa người sang Nhật Bản để học tập, trau dồi, đồng thời vận động quyền tiền mua sắm vũ khí để chuẩn bị cho một cuộc vũ trang bạo động chống Pháp. Phong trào Duy tân cũng đã được phát động với phương châm “ý Pháp tự cường”, vận động thanh niên yêu nước tham gia để chấn hưng đất nước. Song cuối cùng, các phong trào này đều đã thất bại bởi chính sách cai trị và đàn áp thẳng tay của thực dân Pháp.

2 Sinh ra và lớn lên ở Nghệ An - một vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã sớm chịu ảnh hưởng của các phong trào này, vun bồi lòng yêu nước và ý chí muốn giải phóng cho quốc gia dân tộc. Lòng yêu nước cháy bỏng của Người còn được vun đắp bởi truyền thống của gia đình. Cha của Người - cụ Nguyễn Sinh Sắc - một thầy đồ giàu lòng yêu nước và nhân ái - đã lựa chọn bất hợp tác với Pháp và triều Nguyễn, không ra làm quan mà làm thầy giáo dạy học để rèn giũa lòng tự tôn dân tộc cho thế hệ trẻ³. Các anh, chị của Người đều sớm tham gia các phong trào yêu nước chống Pháp. Người cũng đã sớm tham gia vào các hoạt động yêu nước chống Pháp. “Khi Chủ tịch còn là người thiếu niên mười lăm tuổi. Người thiếu niên ấy đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Lúc bấy giờ, anh đã có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Anh đã tham gia công tác bí mật, nhận công việc liên lạc”⁴. Năm

1908, Nguyễn Tất Thành cùng với một nhóm học sinh, sinh viên của trường Quốc học Huế đã tham gia vào phong trào kháng thuế ở Trung Kỳ⁵ - một phong trào đấu tranh theo con đường dân chủ tư sản do các sĩ phu yêu nước cấp tiến tổ chức. Các phong trào yêu nước, chống Pháp mà Nguyễn Tất Thành tham gia đều đã bị thực dân Pháp đàn áp thẳng tay, điều này giúp Người nhận thức được rõ hơn bản chất tàn ác của thực dân Pháp, đồng thời dần nhận thức được sức mạnh của quần chúng khi được tổ chức. Cũng nhờ trải qua những phong trào đấu tranh này mà Người cảm nhận được có điều gì đó còn chưa đúng trong các con đường, cách thức cứu nước của các bậc tiền bối lúc ấy. “Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương. Anh nhận điều đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương. Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”. Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì Cụ còn nặng cốt cách phong kiến”⁶. Do đó, dù “Khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào”⁷ và Người đã quyết định lựa chọn cho mình một hướng đi mới để tìm đường giải thoát cho quốc gia dân tộc. Người nói: “Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”⁸. Với quyết tâm ấy, năm 1911, từ Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước, tìm đường để có thể khơi lại mạch nguồn nội sinh của quốc gia dân tộc.

Từ năm 1911 đến năm 1919, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã đến nhiều quốc gia, châu lục, tận mắt chứng kiến đời sống lao

khô của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc dưới ách cai trị của chủ nghĩa thực dân. Cũng trong quá trình này, Người đã tìm hiểu về các cuộc cách mạng dân chủ tư sản như cách mạng tư sản Anh (thế kỷ XVII), cách mạng Mỹ (1776), cách mạng tư sản Pháp (1789), tìm hiểu về các khẩu hiệu tự do, bình đẳng và bác ái mà thực dân Pháp đã rêu rao khi chúng đến xâm lược Việt Nam. Và Người nhận ra rằng, các cuộc cách mạng ấy đều chưa đến nơi, vì cách mạng xong rồi mà quần chúng nhân dân vẫn bị lao khổ, rằng khẩu hiệu tự do, bình đẳng và bác ái chỉ là sự lừa bịp của chủ nghĩa thực dân. Ở đâu thì chủ nghĩa thực dân cũng tàn ác như nhau, rằng trên thế giới này chỉ có hai loại người, loại người đi áp bức thống trị và loại người bị áp bức, thống trị. Người cũng đã nhận ra rằng, trên thế giới này chỉ có một thứ tình hữu ái, đó là tình hữu ái giữa những người lao khổ, ở Pháp cũng có người Pháp tốt và người Pháp thực dân. Người đã nhận thức được đối tượng đấu tranh của nhân dân Việt Nam là thực dân Pháp chứ không phải là toàn thể người Pháp, và phải đoàn kết với nhân dân các nước thuộc địa khác để cùng đấu tranh⁹.

Năm 1919, sau khi Chiến tranh thế giới I kết thúc, các nước thắng trận đã tổ chức Hội nghị Versailles (Pháp) để ký kết hòa ước lập lại trật tự hòa bình thế giới. Tháng 6-1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pháp gửi đến Hội nghị Versailles “Bản yêu sách của nhân dân An Nam” gồm 8 điểm, đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam¹⁰. Tuy nhiên, bản yêu sách đó đã không được Hội nghị chấp nhận. Nguyễn Ái Quốc nhận ra rằng: “Những lời tuyên bố tự do của các nhà chính trị tư bản trong lúc chiến tranh thật ra chỉ là những lời đường mật để lừa bịp các dân tộc”¹¹ và “Muốn được giải phóng, các dân tộc

chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng bản thân mình”¹². Người thực sự nhận ra vai trò của sức mạnh nội sinh của quốc gia dân tộc trong công cuộc kháng chiến, đánh đuổi giặc ngoại xâm. Như vậy, trước khi tiếp xúc và tiếp thu lý luận cách mạng vô sản, Nguyễn Ái Quốc đã có bước phát triển rất lớn trong nhận thức về lực lượng cốt yếu của một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Nhận thức được phải phát huy được sức mạnh nội sinh của quốc gia dân tộc, phải “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” đã giúp Người không ảo tưởng vào sự “rủ lòng thương” của chủ nghĩa thực dân trong quá trình vận động tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc về sau, đặc biệt là sau khi đã tiếp thu lý luận và phương pháp cách mạng vô sản.

Năm 1920, sau khi đọc được bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy “cẩm nang” giải phóng cho dân tộc Việt Nam. Trong bản *Sơ thảo* này, V.I.Lênin cho rằng: “Điều quan trọng nhất trong chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa phải là làm cho vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản. Bởi vì chỉ có sự gần gũi ấy mới đảm bảo việc chiến thắng chủ nghĩa tư bản, nếu không có chiến thắng đó thì không thể thủ tiêu được ách áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng”¹³. Theo V.I.Lênin, nhiệm vụ quan trọng của các đảng cộng sản là phải trực tiếp ủng hộ phong trào cách mạng của các dân tộc thuộc địa, “không thể chỉ đơn thuần thừa nhận hoặc tuyên bố rằng những người lao động thuộc các dân tộc khác nhau phải gần gũi nhau, mà cần phải thi hành một chính sách thực hiện sự liên minh chặt chẽ nhất của tất cả các phong

trào giải phóng dân tộc và thuộc địa với nước Nga Xôviết, bằng cách đem lại cho sự liên minh ấy những hình thức phù hợp với trình độ phát triển của phong trào cộng sản trong nội bộ giai cấp vô sản ở mỗi nước, hay của phong trào giải phóng dân chủ tư sản của công nhân và nông dân ở các nước chậm tiến ở các dân tộc chậm tiến”¹⁴. Chính những lý luận ấy của V.I.Lênin trong bản *Sơ thảo* đã giúp cho Nguyễn Ái Quốc nhận ra rằng: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngằm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khoá, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản, làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917”¹⁵. Do đó, Người đưa ra chủ trương: “Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản. Khẩu hiệu này, do Mátxcova tung ra, đánh vào các nhà tư sản như một nghịch lý táo bạo, nhưng thật ra điều đó có nghĩa gì? Một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới sẽ Xôviết hoá và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế. Trong khi chờ đợi, chủ nghĩa dân tộc sẽ quấy rối chủ nghĩa đế quốc Pháp và bằng việc làm này, Quốc tế Cộng sản sẽ được lợi trực tiếp”¹⁶. Như vậy, có thể nói chính nhờ lý luận cách mạng vô sản mà Người đã hiểu rõ hơn về sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc, một sức mạnh nội sinh được sản sinh ra từ chính diễn trình lịch sử, tạo lập nên ý thức quốc

gia dân tộc và sự đoàn kết, cố kết cộng đồng của các quốc gia dân tộc. Và nếu biết cách để khơi nguồn nó, chủ nghĩa dân tộc sẽ trở thành sức mạnh vô địch để đập đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân. Về sức mạnh nội sinh ấy của các dân tộc Đông Dương, Người nói: “Bị đầu độc cả về tinh thần lẫn về thể xác, bị bịt mồm và bị giam hãm, người ta có thể tưởng rằng cái bầy người ấy cứ mãi mãi bị dùng làm đồ để tế cái ông thần tư bản, rằng bầy người đó không sống nữa, không suy nghĩ nữa và là vô dụng trong việc cải tạo xã hội. Không: người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi. Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương”¹⁷. Luồng gió từ cách mạng vô sản các nước Nga, Trung Quốc... thổi đến Đông Dương. Người Đông Dương không được học bằng sách vở và bằng diễn văn, nhưng người Đông Dương nhận sự giáo dục bằng các cách khác. Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp tàn bạo làm cho họ thức tỉnh. Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến. Người cho rằng: “Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi”¹⁸.

Trên cơ sở những nhận thức như vậy, Nguyễn Ái Quốc đã giương cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc để phát huy được sức mạnh nội sinh của quốc gia dân tộc. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Người nhấn mạnh: “cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”¹⁹, cho nên, “Sách này chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì

tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh”²⁰. Và rằng: “Việc gì khó cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi. Đòi này làm chưa xong thì đòi sau nổi theo làm thì phải xong”²¹. Tinh thần đoàn kết quốc gia dân tộc để phát huy sức mạnh nội sinh, đem sức ta mà giải phóng cho ta ấy đã được Người thể hiện trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng năm 1930. Để tập hợp được lực lượng của cả dân tộc, đoàn kết cùng chống kẻ thù chung là thực dân Pháp, *Sách lược văn tắt của Đảng* nêu rõ:

“2. Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa c.m đánh trúc bọn đại địa chủ và phong kiến.

3. Đảng phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khởi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia.

4. Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh Niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản c.m thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản c.m (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ”²².

Quán triệt tư tưởng này của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, HNTƯ 8 tháng 5-1941 đã nêu rõ chủ trương tập hợp lực lượng của cả dân tộc, đoàn kết lại để cùng đánh Pháp, đuổi Nhật. Hội nghị nêu rõ: “Các dân tộc Đông Dương hiện nay bị dưới hai tầng áp bức bóc lột của giặc Pháp - Nhật. Ách áp bức ấy quá nặng nề, các dân tộc Đông Dương không thể nào chịu được. Để quốc Pháp - Nhật chẳng những áp bức

các giai cấp thợ thuyền, dân cày, mà chúng nó áp bức bóc lột cả các dân tộc không chừa một hạng nào. Dầu là anh tư bản, anh địa chủ, một anh thợ hay một anh dân cày đều cảm thấy cái ách nặng nề của đế quốc là không thể nào sống được. Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”²³. Do đó, “Trong lúc này khẩu hiệu của Đảng ta là trước hết phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp - Nhật”²⁴. “Muốn làm tròn nhiệm vụ ấy, trước hết tập trung cho được lực lượng cách mạng toàn cõi Đông Dương, không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc, đánh tan giặc Pháp - Nhật xâm chiếm nước ta. Sự liên minh tất cả lực lượng của các giai cấp, đảng phái, các nhóm cách mạng cứu nước, các tôn giáo, các dân tộc kháng Nhật, đó là công việc cốt yếu của Đảng ta”²⁵. HNTU 8 đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh để tập hợp và phát huy sức mạnh của toàn thể dân tộc Việt Nam tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Nghị quyết Hội nghị nêu rõ: “chiến thuật hiện tại của Đảng ta là phải vận dụng một phương pháp hiệu triệu hết sức thống thiết, làm sao đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân (hơn hết là dân tộc Việt Nam). Cho nên cái mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay không thể gọi như trước là Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, mà phải đổi ra cái tên khác cho có tính chất dân tộc hơn, cho có một mảnh lực để hiệu triệu hơn và nhất là có thể thực hiện được trong tình thế hiện tại; vậy mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay ở Việt Nam là Việt Nam độc lập đồng minh, hay nói tắt là Việt Minh”²⁶.

Tiếp đó, năm 1945, đứng trước thời cơ lớn lao để giải phóng quốc gia dân tộc, nhằm phát huy được sức mạnh vô địch của quốc gia dân tộc để thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng, Hồ Chí Minh đã ra kêu gọi toàn quốc đồng bào đoàn kết để giải phóng mình: “*Hỡi đồng bào yêu quý!* Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”²⁷. Lời hiệu triệu ấy của Người đã thực sự trở thành động lực, thành sợi chỉ đỏ kết nối, hội tụ sức mạnh đại đoàn kết của toàn thể quốc dân đồng bào làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Năm 1946, để phát huy được sức mạnh nội sinh của quốc gia dân tộc tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh chống lại cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đã ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”:

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”²⁸.

Lời kêu gọi của Người đã thực sự khơi dậy tinh thần đoàn kết, biến nó thành ý chí “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh!”, làm nên chiến công vang dội, chấn động địa cầu ở Điện Biên Phủ

năm 1954, buộc thực dân Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, sức mạnh nội sinh của quốc gia dân tộc còn tiếp tục được phát huy mạnh mẽ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975, giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước. Những thắng lợi của quân và dân Việt Nam trong hai cuộc chiến tranh biên giới Tây - Nam và biên giới phía Bắc cũng là nhờ có tinh thần đại đoàn kết của quốc gia dân tộc. Và cũng chính sự đoàn kết, nhất trí cao của quốc gia dân tộc, của Đảng, của nhân dân, Việt Nam đã tiếp tục giành được những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới. Và tinh thần đó đang được tiếp tục được phát huy có hiệu quả trong chống đại dịch COVID-19 hiện nay.

Sức mạnh nội sinh lớn nhất, quan trọng nhất của Việt Nam chính là sự đoàn kết, thống nhất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Chính nhờ có sự đoàn kết, thống nhất ấy, dân tộc Việt Nam đã giành được những thắng lợi vẻ vang trong lịch sử. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã khơi lại mạch nguồn cho sức mạnh nội sinh, phát huy rực rỡ góp phần làm nên những thắng lợi vĩ đại của dân tộc trong thế kỷ XX, là nền tảng, cơ sở để Đảng lãnh đạo đất nước đạt được những thắng lợi trong những năm tiếp theo của thế kỷ XXI. Chìa khóa để phát huy sức mạnh nội sinh của quốc gia dân tộc chính là giữ gìn và phát huy sự đoàn kết, thống nhất của quốc gia dân đồng bào trong cả nước. Hồ Chí Minh khẳng định: “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết chặt chẽ, thì chúng ta nhất định có thể khắc phục mọi khó khăn, phát triển mọi thuận lợi”²⁹, “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”³⁰. Người nêu khẩu hiệu:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,
Thành công, thành công, đại thành công”³¹.

Ngày nay, sức mạnh nội sinh ấy tiếp tục được phát huy một cách cao nhất, có hiệu quả nhất làm nên những thắng lợi to lớn, vững bền, làm nên một Việt Nam đang vững bước đi lên ở tầm cao mới, với những triển vọng tương lai sáng lạn.

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 3, tr. 596
2. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học, Võ Kim Cương (chủ biên): *Lịch sử Việt Nam*, Nxb KHXH, H, 2017, T. 6 (từ năm 1858 đến năm 1896), tr. 217
- 3, 5, 9. Xem Lê Văn Yên: *Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trên đường sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Lao động, H, 2005, tr. 16, 16, 21-25
- 4, 6, 7, 8, 11, 12. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb ST, H, 1986, tr. 13, 13, 14, 31, 31
10. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb CTQG, H, 2018, T.1(1930-1954), quyển 1 (1930-1945), tr. 68
- 13, 14. *V.I.Lênin Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2006, T. 41, tr. 199, 200
- 15, 16, 17, 18. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 1, tr. 511, 513, 40, 40
- 19, 20, 21. *Sđđ*, T. 2, tr. 283, 283, 282
22. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1998, T. 2, tr. 4
- 23, 24, 25, 26. *Sđđ*, T. 7, tr. 112, 112, 112-113, 122
27. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 3, tr. 596
28. *Sđđ*, T. 4, tr. 534
- 29, 30. *Sđđ*, T. 9, tr. 145, 177
31. *Sđđ*, T. 13, tr. 119.